

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THOẠI SƠN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **51/2021/HNGĐ-ST**
Ngày 10/5/2021
Về việc: “*Ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Minh Quốc;

2. Ông Phan Thanh Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thanh Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 10 tháng 5 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 30/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2021 về việc “*ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 91/2021/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông **N.H.T**, sinh năm 1973

Địa chỉ: Ấp A, xã PT, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

*** Bị đơn:** Bà **T.T.T.N**, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Ấp A, xã PT, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 05/12/2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông N.H.T trình bày như sau:** Ông và bà T.T.T.N do tự tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1992, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc có 01 con chung tên N.C.H, sinh ngày 28/4/1992. Nhưng đến năm 2010 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không còn phù hợp, vợ chồng thường xuyên cự cãi, gia đình không hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2010

cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm không còn, cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn và kéo dài nên ông yêu cầu được ly hôn với bà T.T.T.N. Về quan hệ con chung: Vợ chồng ông bà có 01 con chung tên N.C.H, sinh ngày 28/4/1992, hiện nay đã trưởng thành và có khả năng lao động. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có.

Do hoàn cảnh đơn chiếc, đang chăm sóc ba mẹ già nên việc đi lại khó khăn. Vì vậy, ông T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa khi vụ án đưa ra xét xử.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hai lần triệu tập hợp lệ bà N đến để tiến hành hòa giải nhưng bà N vắng mặt không có lý do và không có lời khai hay ý kiến nên Tòa án không ghi nhận được quá trình hôn nhân, con cái, tài sản cũng như ý kiến của bà đối với yêu cầu khởi kiện của ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Ông N.H.T (là nguyên đơn trong vụ án) có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự

Bà T.T.T.N (là bị đơn trong vụ án) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên Tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà N.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Ông T và bà N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992 nhưng đến nay vẫn không tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay do mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên ông T yêu cầu được ly hôn với bà N. Do hôn nhân giữa ông T và bà N vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình về đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét mâu thuẫn trong hôn nhân mà căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông T và bà N.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, giữa ông T và bà N có 01 con chung tên N.C.H, sinh ngày 28/4/1992. Hiện nay con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên HĐXX không xem xét.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Ông T không tranh chấp tài sản chung và nợ chung nên HĐXX không xem xét. Nếu sau này giữa ông T và bà N có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được Tòa án thụ lý, giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Ông T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội, nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 8, 9, 14 và 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

* Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông N.H.T và bà T.T.T.N.

* Về tài sản chung và nợ chung: Ông T không tranh chấp tài sản chung và nợ chung nên HĐXX không xem xét. Nếu sau này giữa ông T và bà N có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được Tòa án thụ lý, giải quyết bằng vụ án khác.

* Về án phí sơ thẩm: Ông N.H.T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008109 ngày 05 tháng 02 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Bà T.T.T.N không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Ông T và bà N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND h.Thoại Sơn;
- Chi cục THADS h.Thoại Sơn;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mai Thị Vân